

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2025

Kính gửi: Ban Kế hoạch tài chính, Cục Thống kê

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Thống kê tỉnh Ninh Bình công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025 được phân bổ	Ước thực hiện Quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm 2025 so với quý III năm 2024 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	125.462	28.227	22,50	177,60
I	Nguồn ngân sách trong nước	125.462	28.227	22,50	177,60
1	Chi quản lý hành chính	125.335	28.195	22,50	177,50
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	45.888	9.280	20,22	108,40
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	79.447	18.915	23,81	258,30
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	127	32	25,20	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	127	32	25,20	
5	Chi Sự nghiệp kinh tế				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025 được phân bổ	Ước thực hiện Quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm 2025 so với quý III năm 2024 (tỷ lệ %)
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Thống kê tỉnh;
- Phòng TK Tổng hợp;
- Lưu: VT, TCHC.

TRƯỞNG THỐNG KÊ

Lê Mạnh Hồng